

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HS-PT

Ngày: 03-6-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo **Phạm Ngọc Anh T** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2024/HS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Ngọc Anh T**, sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 3/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Đồng Văn T1** (đã chết) và bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1955; vợ **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1985; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: bị Tòa án nhân **huyện B, tỉnh Bến Tre** xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 18/2000/HSST ngày 22/5/2000; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Phạm Quang H1** là Luật sư - **Công ty L** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh B**; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 29/6/2023, **Đồng Công H2** (sinh năm 1995, nơi cư trú: **ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre**) đang làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh mở máy camera thì phát hiện nhà kế bên của **Phạm Ngọc A T** có 03 cái gương hình bát quái đặt trên cột gỗ quay sang nhà **H2** nên **H2** nhờ **Đồng Minh C**, sinh năm 1986 và bà **Đồng Thị T2**, sinh năm 1964, cùng nơi cư trú: **ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre** sang nhà **T** tháo gỡ 03 cái gương, nhưng khi cả hai qua thì **T** không có nhà. Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, **T** về nhà thì gặp **C** và bà **T2** đang đứng ở phía trước sân nhà của **T**, **C** yêu cầu **T** tháo gỡ 03 cái gương nhưng **T** không đồng ý nên hai bên xảy ra mâu thuẫn, **C** dùng tay đánh vào mặt **T** 01 cái. Sau đó **C** bỏ đi, **T** lấy con dao dài 42,5cm, cán bằng gỗ dài 18cm, đường kính 3,6cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 24,5cm, nơi rộng nhất 06cm, nơi hẹp nhất 3,1cm, có một cạnh sắc bén, mũi dao bằng chạy theo **C**. Lúc này, **C** bẻ đầu củ dừa khô đánh 01 cái trứng vào mặt của **T**. Do bị đánh nên **T** dùng dao đang cầm trên tay chém 01 nhát trứng vào mặt **C** rồi **T** bỏ chạy về nhà. Sau đó, **C** được người nhà đưa đi điều trị tại **Bệnh viện N1 - tỉnh Bến Tre**. Ngày 08/7/2023, **Đồng Minh C** đến **Công an xã T, huyện B** gửi đơn yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi cố ý gây thương tích của **Phạm Ngọc Anh T**.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 319-23/KLTTCT-TTPYBT ngày 12/9/2023 của **Trung tâm pháp y tỉnh B** kết luận: Sẹo vết thương từ mũi trái đến bờ dưới mắt trái, kích thước trung bình; Sẹo mi trên mắt trái, kích thước nhỏ; Gãy xương chính mũi. Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của **Bộ Y** quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Đồng Minh C** tại thời điểm giám định là 15% (mười lăm phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của **Bộ Y**. Cơ chế hình thành vết thương do vật sắc nhọn gây ra.

Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B, tỉnh Bến Tre** đã thu giữ:

- 01 (một) con dao chét dài 42,5cm, cán bằng gỗ dài 18cm, đường kính 3,6cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 24,5cm, nơi rộng nhất 06cm, nơi hẹp nhất 3,1cm, có một cạnh sắc bén, mũi dao bằng;

- 01 (một) con dao chét dài 54cm, cán bằng gỗ dài 22,5cm, đường kính 4,4cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 31,5cm, nơi rộng nhất 05cm, nơi hẹp nhất 03cm, có một cạnh sắc bén, mũi dao bằng;

- 01 (một) đoạn đầu củi dừa khô dài 93cm, nơi rộng nhất 18cm, nơi hẹp nhất 05cm, ở giữa đoạn củi dừa có một vết gãy cách đầu củi dừa 50cm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2024/HS-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Phạm Ngọc Anh T** phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc Anh T** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 02/4/2024 bị cáo **Phạm Ngọc Anh T** kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Phạm Ngọc Anh T** phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về điều luật áp dụng; bị hại đã 02 lần đánh bị cáo trước làm cho bị cáo bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại, nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Về hình phạt; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc A T** 01 năm tù là phù hợp, nhưng xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ sức giáo dục bị cáo; kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc A T** 01 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Thống nhất về tội danh đối với bị cáo, thống nhất về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, e, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 29/6/2023, tại khu vực **ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre**; xuất phát từ mâu thuẫn do bị anh **Đồng M C** dùng tay và đầu cùi dừa khô đánh trước nên bị cáo **Phạm Ngọc A T** đã dùng dao chém anh **C** 01 nhát trúng vào mặt, làm anh **C** bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15%.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên; có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém bị hại gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 15%; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, hung khí gây án và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Phạm Ngọc Anh T** phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a [*dùng hung khí nguy hiểm*] đến điểm k khoản 1 Điều này” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu đã bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 18/2000/HSST ngày 22/5/2000; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *khắc phục một phần thiệt hại* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *bị cáo là lao động chính trong gia đình đang nuôi vợ bị bệnh và 02 con nhỏ, gia đình bị cáo khó khăn, bị hại cũng có một phần lỗi đã có hành vi đánh bị cáo trước và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo* theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đã xử phạt bị cáo 01 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Mặc dù bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15%, phạm tội với lỗi cố ý. Tuy nhiên, thấy rằng trong vụ án này bị hại là người có lỗi; bị hại đã vô cớ qua nhà bị cáo cự cãi với bị cáo, đã 02 lần có hành vi đánh bị cáo trước, trong đó 01 lần dùng tay đánh vào mặt bị cáo và 01 lần dùng cây củ dừa khô đánh vào mặt bị cáo, điều đó đã làm cho bị cáo bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra cho bị cáo, nên bị cáo không kiềm chế được đã dùng dao là hung khí nguy hiểm chém gây thương tích cho bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là chưa đầy đủ nên cấp phúc thẩm áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ này. Xét thấy do bị hại có lỗi, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, vì vậy kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo có cơ sở chấp nhận. Đối với kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo thấy rằng, mặc dù bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng về nhân thân vào năm 2000 từng bị kết án về tội *trộm cắp tài sản* đã được xóa án tích, tuy nhiên lần phạm tội này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số: 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, vì vậy kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên và người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Phạm Ngọc Anh T**; sửa quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc Anh T** 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo **Phạm Ngọc Anh T** không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Bình Đại (3b);
- VKSND huyện Bình Đại (1b);
- Công an huyện Bình Đại (1b);
- Chi cục THADS huyện Bình Đại (1b);
- UBND xã Thới Lai, huyện Bình Đại (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông